

Bản án số: 18//2024/DS-ST
Ngày: 16-01-2024
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản
và góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đàm Kiến Dân; 2. Ông Võ Văn Dũng;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2023/QĐST-DS ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc V, sinh năm 1964;
Địa chỉ: ấp B, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1971;
Địa chỉ: ấp M, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 - 3.1. Ông Võ Văn B, sinh năm: 1966; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
 - 3.2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
4. *Người làm chứng:*
 - 4.1 Anh Lê Văn TR, sinh năm 1987; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp BP, xã BP, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.
 - 4.2 Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1986; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp BP, xã BP, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.
 - 4.3 Anh Trần Minh C (T), sinh năm 1982; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc V trình bày:*

Do quen biết nên bà có cho chị TH vay số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán cho bà. Vay 03 lần cụ thể:

Ngày 02/11/2022 vay 100.000.000 đồng, thời gian vay là 03 tháng.

Ngày 30/12/2022 vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng.

Ngày 30/01/2023 vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tuần.

Khi vay tiền 02 bên không thoả thuận lãi suất trong giấy vay tiền; 02 khoảng vay đầu chị TH không có trả lãi; khoảng vay 50.000.000 đồng sau cùng chị TH có trả cho bà tổng cộng 13.000.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bà có tham gia hội do chị TH làm thảo cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Khai ngày 25/7/2018 hội lúa (03 tháng hót 01 lần) hội 3.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ với số tiền là 2.100.000 đồng x 12 kỳ = 25.200.000 đồng. Hội bẻ.

Dây thứ hai: Khai ngày 20/11/2018 hội lúa (03 tháng hót 01 lần) hội 3.000.000 đồng, đã đóng được 11 kỳ với số tiền là 2.100.000 đồng x 11 kỳ = 23.100.000 đồng. Hội bẻ.

Dây thứ ba: Khai ngày 10/02/2021 hội 5.000.000 đồng, gồm 25 phần, (xã 01 phần tháng 7 dịch covid). Hót chót được số tiền 115.000.000 đồng, cho thảo 2.500.000 đồng. Còn lại 112.500.000 đồng chưa giao. Hội mãn.

Dây thứ tư: Khai ngày 25/10/2021 hội 5.000.000 đồng, gồm 17 phần, Hót chót với số tiền là 80.000.000 đồng, cho thảo 2.500.000 đồng. Còn 77.500.000 đồng. Đã giao 32.000.000 đồng. Còn nợ lại 45.500.000 đồng chưa giao. Hội mãn.

Dây thứ năm: Khai ngày 20/11/2021 hội 5.000.000 đồng, gồm 18 phần, đã đóng được 15 phần với số tiền là 3.900.000 đồng x 15 phần = 58.500.000 đồng. Hội bẻ.

Dây thứ sáu: Khai ngày 25/01/2022 hội 5.000.000 đồng, gồm 19 phần, đã đóng được 13 phần với số tiền là 3.900.000 đồng x 13 phần = 50.700.000 đồng. Hội bẻ.

Dây thứ bảy: ngày 30/11/2022 hội 5.000.000 đồng, chơi 03 đầu, đóng được 03 tháng với số tiền là 3.900.000 đồng x 03 phần x 03 tháng = 35.100.000 đồng. Hội bẻ.

Dây thứ tám: Khai ngày 30/01/2023 hội 5.000.000 đồng, chơi 03 đầu, đã đóng được 01 tháng với số tiền là 3.900.000 đồng x 03 phần x 01 tháng = 11.700.000 đồng. Hội bẻ.

Tổng cộng chị TH đã nợ bà số tiền hội là 362.300.000 đồng. Tiền nợ vay là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 562.300.000 đồng.

Sau đó bà và chị TH đã thống nhất bắt bỏ trừ nợ, bà bắt 05 con bò (03 con bò mẹ với giá 30.000.000 đồng/01con, 02 con bò con kèm theo bò mẹ) của bà TH để trừ trừ thêm 90.000.000 đồng.

Tại phiên toà bà V thống nhất giá 05 con bò (03 con bò mẹ và 02 con bò con) với giá là 100.000.000 đồng. Như vậy hiện chị TH còn nợ bà tổng cộng số tiền là 462.300.000 đồng. Yêu cầu bà TH thực hiện việc trả nợ trong thời gian 06 tháng đến ngày 16/7/2024 là hoàn tất nợ. Bà có thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện (đơn khởi kiện bà yêu cầu bà TH trả số tiền tổng cộng là 542.000.000đồng).

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà chị Nguyễn Thị TH là bị đơn trình bày:*

Chị thống nhất phần trình bày về tiền vay và tiền hụi của bà V, chị có viết sổ hụi cho bà V và có viết giấy nợ cho bà V. Còn nợ lại số tiền tổng cộng là 562.300.000 đồng. Về phần vay thì hiện tại chị chưa trả vốn nhưng bà V lấy tiền lãi 9%/tháng, chị đóng tiền lãi cho bà V được 06 tháng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh cho việc đóng lãi. Về phần trừ bỏ chị có ý kiến là bà V bắt tổng cộng 07 con bò (05 con bò mẹ và 02 con bò con) với giá là 160.000.000 đồng để trừ nợ.

Tại phiên toà chị thống nhất giá bò mẹ là 30.000.000 đồng/01 con, bà V thừa nhận bắt 05 con bò (03 con bò mẹ, 02 con bò con) với giá là 100.000.000 đồng chị cũng đồng ý. Về phần 02 con bò chị trình bày bà V bắt thêm hiện chị chưa có chứng cứ, khi có chứng cứ đầy đủ chị sẽ kiện bà V bằng vụ án khác sau này.

Tổng cộng sau khi trừ thì chị còn nợ bà V là 462.300.000 đồng. Chị xin trả số tiền này trong thời gian 06 tháng khi bán được đất.

Bà V và chị TH cùng thống nhất lấy giá hụi năm lẻ làm cơ sở tính tiền hụi bể. Hụi 5.000.000 đồng năm lẻ là 3.900.000 đồng; hụi 3.000.000 đồng năm lẻ là 2.100.000 đồng.

** Tại bản biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng ông Võ Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Ông thống nhất yêu cầu của bà V, không có ý kiến gì khác.

** Tại bản biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Nguyễn Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông là chồng của chị TH, bò là tài sản của chung vợ chồng, ông thống nhất cho bà V đến bắt bỏ trừ nợ cho chị TH, giá cả thì ông đồng ý để chị TH và bà V tự thỏa thuận với nhau ông không biết. Ngày bà V đến bắt bỏ thì ông không nhớ nhưng ông là người dắt bò ra giao cho bà V, ông giao tổng cộng là 07 con (05 con bò mẹ và 02 con bò con). Nay bà V không thừa nhận đã nhận 07 con bò, chỉ thừa nhận có 05 con bò (03 con bò mẹ và 02 con bò con) nên ông thống nhất sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có chứng cứ đối với 02 con bò mà bà V không thừa nhận.

** Tại bản biên bản ghi lời khai anh Lê Văn TR là người làm chứng trình bày:*

Anh và các bên tranh chấp không có bà con thân thích cũng như không có xích mích mâu thuẫn gì; vào ngày nào anh không nhớ rõ khi anh lấy hột vịt nhà bà V có thấy bà V chở 05 con bò về gồm 03 con bò lớn và 02 con bò nhỏ để trước

sân. Anh có hỏi giá thì ông B (chồng bà V) có nói là 90.000.000 đồng/05 con. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm và cam đoan lời trình bày nêu trên là đúng sự thật.

** Tại bản biên bản ghi lời khai anh Trần Minh C (Tiểu) là người làm chứng trình bày:*

Anh và các bên tranh chấp không có bà con thân thích cũng như không có xích mích mâu thuẫn gì. Anh là hàng xóm nhà bà TH, ngày bà V bắt bò anh có thấy bà V bắt 05 con bò, anh có hỏi giá thì bà V nói là 90.000.000 đồng/05 con. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm và cam đoan lời trình bày nêu trên là đúng sự thật.

** Tại biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Thanh Đ là người làm chứng trình bày:*

Anh và các bên tranh chấp không có bà con thân thích cũng như không có xích mích mâu thuẫn gì. Anh là người được thuê chở bò từ nhà chị TH về nhà bà V, tổng cộng anh chở 05 con bò; chở 02 lần, lần 01 chở 02 con bò mẹ; lần 02 chở 01 con mẹ và 02 con nghé; anh có hỏi giá thì chồng chị TH có nói là 90.000.000 đồng. Anh nhớ rõ là vì khi bắt bò có 01 con bò té xuống ruộng, phải xách nước kéo L rất cực nên anh nhớ rõ trường hợp này. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm và cam đoan lời trình bày nêu trên là đúng sự thật.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị TH trả cho bà Trần Thị V số tiền tổng cộng là 462.300.000 đồng. Thời hạn trả trong thời gian 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã BX, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay và nợ hui. Căn cứ vào các Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và góp hui*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Người liên quan ông B có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà V khởi kiện yêu cầu chị TH phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ sau khi trừ hết các khoảng tổng cộng là 462.300.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng tiền vay là và 262.300.000 đồng tiền hui). Chị TH thừa nhận có nợ số tiền trên nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn xin trả trong thời gian 06 tháng.

Xét thấy bà V thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền và chơi hui giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua các biên nhận, giấy hui mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Như vậy có cơ sở xác định chị TH còn nợ bà V số tiền tổng cộng là 462.300.000 đồng.

Về thời gian trả tiền: Chị TH là chủ hui nhưng lại không thực hiện đúng nghĩa vụ là giao đủ tiền cho hui viên và để bề hui, sau khi bề hui cũng không thanh toán lại số tiền hui mà hui viên đã đóng mặc dù bà V là hui viên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là đóng hui theo kỳ đầy đủ cho chủ hui nên bà TH vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Về số tiền vay, chị TH vay đã lâu, khi vay có quy định thời gian trả vốn nhưng chị TH đã không trả tiền cho bà V đúng quy định, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị TH trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả số tiền 462.300.000 đồng trong 06 tháng để có thời gian kêu bán đất, bà V thống nhất cho chị TH thời gian 06 tháng là đến ngày 16/7/2024 sẽ hoàn tất nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối 02 con bò còn lại mà chị TH trình bày bà V bắt để trừ nợ nhưng bà V không thừa nhận (bà V trình bày bắt 05 con, chị TH trình bày bắt 07 con) thì các đương sự thống nhất sẽ khởi kiện thành một vụ án khác sau này khi có chứng cứ.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;
- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc V.

Buộc chị Nguyễn Thị TH có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc V tổng cộng số tiền là 462.300.000 đồng, thời gian trả đến ngày 16/07/2024 là hoàn tất nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: - Buộc chị Nguyễn Thị TH phải chịu 22.492.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Trần Ngọc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.840.000 đồng theo biên lai thu số 0027567 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo